

Hành động tập thể trên mạng xã hội: Đặc trưng và ảnh hưởng¹

Vũ Hoàng Long^(*)

Tóm tắt: Bài viết chỉ ra những hiểu nhầm về “hiệu ứng đám đông” trên mạng xã hội từ các hướng tiếp cận khác về những “hành động tập thể” trong môi trường truyền thông hiện đại vốn được đặc trưng bởi sự dư thừa thông tin. Trên cơ sở phân tích trường hợp cụ thể là những hành động tập thể của cử tri Mỹ trước chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2020 của Thượng nghị sĩ Mỹ Bernie Sanders, vốn mang đầy đủ đặc trưng của một phong trào xã hội, với quá trình vận động thông qua chính sách Chăm sóc y tế cho tất cả (Medicare for All - M4A) trong quá trình tranh cử tổng thống của ông, bài viết góp phần phân tích nên những đặc trưng của “hành động tập thể” thay vì “hiệu ứng đám đông” và tác động của chúng lên xã hội, từ đó cho thấy mối quan hệ giữa mạng xã hội, truyền thông đại chúng với cuộc sống thường nhật của người dùng mạng.

Từ khóa: Hiệu ứng đám đông, Hành động tập thể, Mạng xã hội, Đặc trưng, Ảnh hưởng, Phong trào xã hội

Abstract: This article exposes the misleading conceptualization of the concept “the crowd” on social network by revealing other approaches in which “the crowd” is seen as “collective actions” in a modern media landscape characterized by the redundancy of information. This objective will contribute to the illustration of the relationship between the media landscape and users’ ordinary lives. The aforementioned statements will be analyzed through a particular case about the online actions of voters toward the 2020 presidential campaign of US Senator Bernie Sanders which is identified as a social movement. Specifically, this article will analyze the process of lobbying Medicare for All, which is a key policy in the Sanders’ campaign, to expose the mechanism of collective actions instead of crowd effect in the modern media era.

Keywords: Crowd Effect, Collective Actions, Social Network, Characteristics, Effects, Social Movement

¹ Nghiên cứu này là sản phẩm của Đề tài “Vấn đề hiệu ứng đám đông trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay” (Mã số KX.01.47/16-20), thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp quốc gia “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội” (Mã số KX.01/16-20).

^(*) Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: longvu.teamx@gmail.com

1. Từ “hiệu ứng đám đông” đến “hành động tập thể”: hiểu nhầm, đặc trưng và lịch sử nghiên cứu

Ngày nay, khái niệm “Hiệu ứng đám đông (crowd effect)” thường được nhắc đến trong các bản tin hay các bài xã luận với những đặc trưng như “giận dữ”, “ném đá”, “bao lực” nhằm mô tả sự quá khích của người dùng mạng xã hội. Những diễn giải như vậy chịu ảnh hưởng của Lý thuyết Tâm lý học đám đông của nhà tâm lý học xã hội nổi tiếng người Pháp Gustave Le Bon (1841-1931): vốn còn hạn chế trong diễn giải những sự kiện xã hội hiện đại. Là người theo chủ nghĩa bảo thủ, Le Bon tỏ ra quan ngại trước sự lên ngôi của các giai cấp bình dân và phổ thông đầu phiếu ở Pháp cuối thế kỷ XIX, ông gọi những hiện tượng này là những yêu sách đám đông (crowd)¹. Theo ông, “Đám đông” là một tập thể thiếu tổ chức cùng tụ tập lại với nhau để chia sẻ những cảm xúc cũng như những mục tiêu; trong một đám đông, một cá nhân không hành xử một cách độc lập và lý tính, thay vào đó cùng chia sẻ với nhau một trạng thái vô thức bởi sự khó kìm nén, sự lây nhiễm cũng như sự gợi ý. Hiện tượng chia sẻ chung một trạng thái này được Le Bon gọi là “Hiệu ứng đám đông”, theo đó người tham gia bị thao túng bởi một cá nhân có sức hút về cả mặt ngôn từ lẫn cảm xúc (Le

¹ Xét về mặt nguyên từ (etymology), danh từ “crowd” không chỉ đề cập đến một tập thể người cùng chia sẻ chung cảm xúc hoặc mục tiêu, mà còn chỉ rõ một hiện tượng có tính thúc ép, dồn đẩy. Như vậy về nội hàm, “crowd” cũng hàm chứa ý nghĩa “hiện tượng đám đông” hoặc “hiệu ứng đám đông (crowd effect)”, chứ không thuần túy với nghĩa là “đám đông” trong tiếng Việt. Cụm từ “crowd effect” được sử dụng gần đây nhằm nhấn mạnh đến những hệ quả tiêu cực của nó, chứ không được Le Bon sử dụng trong bản gốc của cuốn *Tâm lý học đám đông* (VHL).

Bon, 2009: 51-53). Khái niệm này đã mô tả được một hiệu ứng xảy ra giữa quần chúng trong thời đại thiếu hụt thông tin, khi họ chỉ có một nguồn tin duy nhất từ cá nhân đưa ra lời hiệu triệu mà không có luồng dư luận khác thay thế.

Như vậy, “Hiệu ứng đám đông” mới chỉ mô tả được một dạng thức tụ tập quần chúng trong thời đại thiếu hụt thông tin. Có thể nói, việc sử dụng khái niệm này một cách phổ biến gần đây để mô tả những hiện tượng mạng xã hội là một sự “hiểu nhầm”, bởi lẽ hoàn cảnh tiếp nhận thông tin của công chúng hiện đại rất khác với hoàn cảnh thời đại Le Bon. Trong thời đại dư thừa thông tin của truyền thông hiện đại, công chúng truyền thông luôn bị đặt vào trạng thái phải suy nghĩ thiết hơn, thay vì không đắn đo và chỉ hành động vô thức như trước đây. Chính vì vậy, H. Blumer (1939) đã đưa ra khung nghiên cứu “Hành vi tập thể (collective behaviors)” thay thế cho “Hiệu ứng đám đông” để phân tích những trạng thái vô thức của quần chúng trong thời đại truyền thông.

Bên cạnh đó, với sự lên ngôi của mạng xã hội - công cụ cho phép công chúng phản hồi những thông điệp từ truyền thông chính thống và tự tạo ra những thông điệp mới - trong thời đại truyền thông số, công chúng được tập hợp một cách có tổ chức hơn, từng cá nhân cũng thể hiện được tính độc lập và chủ động cao hơn trước đây. Vì thế, nhằm đề cao sự chủ động này, khung nghiên cứu “Hành vi tập thể” có thể được chuyển hóa thành “Hành động tập thể (collective actions)”. Sự chuyển dịch từ hệ hình nghiên cứu “hiệu ứng đám đông” đến “hành động tập thể” cần có một lịch sử nghiên cứu lâu dài. Nhiều học giả đã đưa ra tranh luận về tính dễ bị thao túng của công chúng trong “hiệu ứng đám đông” và tính chủ động

trong “hành động tập thể” xoay quanh tính cá nhân và tính tập thể của các thành viên.

Xét về tính tập thể, ý tưởng về sự di động của các nguồn lực trong các hành động tập thể xem xét việc đòi cơ hội của người dân là những hành động chịu ảnh hưởng từ những xung lực như nhà nước hay tầng lớp tinh hoa (Jasper, 2010: 965). Chính vì thế, mục tiêu của các hành động tập thể không được coi trọng bằng công cụ của chúng (Kitschelt, 1986). Luận giải về việc công cụ hành động được coi trọng hơn là mục tiêu, C. Tilly (1964) cho rằng, bằng cách phân tích những thành tố văn hóa và biến chúng thành những động lực cho các hành động tập thể, có thể phân chia văn hóa ẩn chứa trong các công cụ để hành động thành một số dạng như: thái độ và mục tiêu, trực giác đạo đức, nguyên tắc và cảm xúc. Mặt khác, các học giả nghiên cứu thiên về tính cá nhân áp dụng dưới góc nhìn vi mô vào những hành động mang tính tập thể. Theo M. Olson (1965), phải có một logic nào đó khiến cho một cá nhân tham gia vào hành động tập thể, ví dụ như cảm thấy mình sẽ giành được lợi ích nào đó. Ông đã loại bỏ hai yếu tố là cảm xúc và đạo đức, thay vào đó, đề cao lý tính của con người. Đường như những nghiên cứu về động lực cá nhân thời kỳ trước không dành cho sự phi lý trí hay cảm xúc. Trong góc nhìn văn hóa, bản dạng tập thể (collective identities) trở thành khái niệm trọng tâm để nghiên cứu về sự dịch chuyển nội hàm các khái niệm thông qua các phong trào xã hội (Melucci, 1996).

Từ lược sử nghiên cứu được diễn giải ở trên, chúng tôi nhận thấy xét về mặt môi trường xã hội thực tiễn cũng như lý thuyết, khái niệm “hiệu ứng đám đông” đã dần trở nên lỗi thời bởi lẽ nó chỉ có thể giải thích được những đặc điểm và hành vi của quần chúng trong thời đại thông tin thiếu thốn và

được sở hữu độc quyền bởi một nhóm nhỏ. Trong thời đại của truyền thông đa nguyên, “hiệu ứng đám đông” truyền thống đã trở thành những dạng thức rất khác với tính thiết chế của tập thể và mức độ chủ động của từng cá nhân tham gia tăng dần. “Hành động tập thể” là khung nghiên cứu hữu hiệu hơn “hiệu ứng đám đông” trong nghiên cứu các hiện tượng mạng xã hội. Theo đó, có thể hiểu những đặc điểm cốt lõi nhất của “hành động tập thể” gồm:

Trước hết, các hành động tập thể thường có sự chi phối bởi cảm giác/cảm xúc (affect/emotion). Sự tràn ngập của cảm xúc/cảm giác thể hiện sự phong phú hơn trong việc tiếp nhận và đáp lại thế giới xung quanh, bao gồm chính hành động tập thể mà chủ thể nghiên cứu tham gia.

Thứ hai, những hành động tập thể thường gây ra sự xáo trộn lớn về mặt ngữ nghĩa hay những hiểu biết chung của xã hội. Ngữ nghĩa ở đây được hiểu là ý nghĩa do dư luận tạo ra, chứ không phải những ý nghĩa về lịch sử và xã hội được chỉ ra bởi các học giả. Bằng cách nghiên cứu những đại tự sự, diễn ngôn, văn bản, địa lý, các ký hiệu,... có thể tìm hiểu về sự dịch chuyển ngữ nghĩa này.

Thứ ba, có những chuyển đổi vô cùng phức tạp trong tính tự chủ của các cá nhân tham gia vào hành động tập thể, ví dụ như sự hiểu biết của họ về đạo đức, căn tính, lý tính,... Tính tự chủ là một đặc tính của các cá nhân chịu ảnh hưởng của mạng lưới xã hội. Một cá nhân có tính tự chủ nghĩa là có khả năng chịu sự kiểm soát của các diễn ngôn trong mạng lưới, đồng thời có ít nhiều sự kháng cự.

Cuối cùng, có những tương tác được tạo ra giữa cả môi trường vật lý và môi trường số. Những tương tác này có tính thách thức, nghĩa là thay đổi những mối quan hệ cũ để hướng đến những mối quan hệ mới. Sự

thay đổi mối quan hệ này thường là giữa người tiếp nhận và người tạo ra thông điệp.

2. Ảnh hưởng của những hành động tập thể thông qua chính sách M4A

Chúng tôi lựa chọn chính sách M4A ở Mỹ để phân tích về những hành động tập thể thông qua môi trường truyền thông vì thấy rằng quá trình vận động chính sách này xuất hiện sự đa nền tảng, đem đến cái nhìn tổng quan hơn về toàn thể các chuỗi sự kiện. Trong trường hợp này, chính trị gia người Mỹ Bernie Sanders đã kêu gọi những hành động tập thể để đề xuất chính sách một cách ôn hòa, đồng thời tập hợp được một trong những phong trào xã hội đa nền tảng lớn nhất trong lịch sử hiện đại.

Chúng tôi tập trung phân tích phong trào xã hội đằng sau chính sách M4A (Sanders, 2019) ở Mỹ - đất nước có dịch vụ y tế đắt đỏ nhất trong số các nước công nghiệp phát triển. Chính sách này được đề xuất bởi Thượng nghị sĩ Bernie Sanders, hướng đến xóa bỏ toàn bộ hệ thống bảo hiểm y tế tư nhân, thay thế bằng chương trình một-người-trả (single-payer program). M4A vấp phải sự phản đối của các nhà làm luật ở cả Đảng Cộng hòa (vốn ủng hộ tư nhân hóa các dịch vụ công) và Đảng Dân chủ (chỉ đồng ý có thêm một gói chăm sóc y tế công, chứ không đồng ý xóa bỏ chương trình tư nhân), chính vì vậy chính sách này có được thông qua hay không hoàn toàn phụ thuộc vào việc ông Sanders thành công hay thất bại trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2020. Đây cũng là chính sách xuyên suốt của ông Sanders trong chiến dịch tranh cử này. Điểm thú vị là, thay vì tìm kiếm sự ủng hộ từ các chính trị gia đồng đảng và các tỷ phú như những ứng cử viên khác, ông Sanders tập trung vận động cử tri thuộc các tầng lớp bị ngoài lề hóa như người nghèo, người nhập cư, người da màu, người đồng

tính,... Phong trào của ông hoạt động mạnh mẽ qua mạng xã hội và các cuộc tuần hành (rallies), trong khi các ứng cử viên khác phụ thuộc vào quảng cáo truyền hình và báo đài chính thống. Điều này khiến báo đài chính thống Mỹ chỉ coi ông là một ứng cử viên hạng hai. Tuy bị đánh giá thấp, nhưng ông Sanders đã chiến thắng phiếu phổ thông ở 3/4 bang cánh quan trọng nhất trong cuộc bầu cử sớm của Đảng Dân chủ, đưa M4A tới gần hiện thực nhất có thể.

Để làm được điều này, ông Sanders cùng các cộng sự đã xây dựng một phong trào xã hội (social movement) (theo ngôn ngữ của ông là một “phong trào cơ sở” (grassroots movement)) với một cấu trúc mạng lưới vững chắc, bao gồm: Website thông tin cơ bản của chiến dịch, các chỉ số khảo sát công chúng, các cuộc tuần hành, danh sách những người nổi tiếng ủng hộ chiến dịch,...; Các trang mạng xã hội như Facebook, YouTube, Twitter, Instagram; Mạng lưới KOLs và công đoàn. Đây là chiến dịch có tính “mở”, tức là các cử tri có thể lập thêm nhiều trang và nhóm do họ tự quản lý, với nội dung sáng tạo như sử dụng những bức ảnh hài hước, thậm chí là thô tục, qua đó chính sách của ông Sanders có thể được đơn giản hóa với nhiều cách biểu đạt, có thể chạm tới nhiều cử tri hơn. Như vậy, chiến dịch này là một mô hình có tính giải trung tâm, nghĩa là quyền lực không thực sự được trung tâm hóa về một số kênh truyền thông chính thức của chiến dịch, mà được chia đều tới các công dân mạng.

Xét về mặt cảm giác, chiến dịch của ông Sanders vừa tạo ra cảm giác phần nộ của cử tri đối với các nhà làm luật trong việc nhiều người Mỹ phải bỏ mạng mỗi năm vì các chính sách y tế trọng người giàu, nhưng đồng thời cũng đem lại sự phấn khích, lạc quan vào tương lai mới nếu ông

Sanders đắc cử tổng thống, và đời sống của người dân sẽ được cải thiện. Chính hình thức truyền thông thông điệp qua những nội dung hài hước và đơn giản đã tạo ra sự phấn khích này, và chạm được đến những người trẻ - đối tượng cử tri đông đảo nhất của ông Sanders.

Xét về sự hiểu biết chung, từ những năm 1980, những chính sách phúc lợi xã hội như giáo dục miễn phí, dịch vụ y tế cho tất cả mọi người không được các nhà làm luật ưa chuộng, vì vậy các chính sách đó bị truyền thông gán là “chủ nghĩa xã hội” - một cụm từ không mấy tích cực trong công chúng Mỹ. Nhưng khi các chiến dịch thiên tả của Sanders bắt đầu xuất hiện ở Quốc hội, thay cụm từ Chủ nghĩa xã hội (Socialism) bằng Chủ nghĩa cấp tiến (Progressivism), có tới 68% số cử tri Mỹ được khảo sát cảm thấy cụm từ “Chủ nghĩa cấp tiến” mang hàm nghĩa tích cực, cụm từ “Chủ nghĩa xã hội” được các cử tri Đảng Dân chủ đánh giá là tích cực (44%) (Pew Research Centre, 2010).

Xét về tính tự chủ, những cử tri ủng hộ ông Sanders cũng thể hiện rõ ràng chính kiến chính trị cũng như sự hiểu biết về chính sách hơn cử tri của các ứng cử viên khác, một phần vì truyền thông từ phía ông Sanders luôn lặp lại thông điệp, đồng thời người dùng mạng cũng lan truyền các thông tin về chính sách đó thông qua những nội dung thứ cấp hài hước và thô tục. Điều đặc biệt là, những cử tri này không còn đặt niềm tin vào hệ thống chính trị truyền thống của Đảng Dân chủ, vì vậy họ khước từ, thậm chí giải mã thông điệp truyền thông từ các kênh truyền thông của Đảng Dân chủ theo nghĩa đối lập. Với những hashtag¹ có phân bạo lực như #CNNistrash

(CNN là rác rưởi), họ cho rằng việc bỏ phiếu cho ông Sanders cũng là một cách thể hiện sự bất mãn của họ đối với cách làm chính trị ở Mỹ suốt nhiều năm qua, trong đó tầng lớp bình dân bị gạt ra ngoài lề. Một hashtag khác được cử tri truyền tay nhau là #BernieOrBust (bầu Bernie hoặc không bầu ai cả), nó đã gây áp lực lớn đến lãnh đạo của Đảng Dân chủ, vì số lượng cử tri ông Sanders nắm trong tay là rất lớn.

Xét về sự thay đổi các mối quan hệ chính trị qua chiến dịch, từ một nền dân chủ gián tiếp thông qua các đại cử tri, giờ đây cử tri bỏ phiếu cho ông Sanders tin vào một nền dân chủ trực tiếp, trong đó mọi phiếu bầu đều có giá trị ngang nhau. Điều đó thể hiện sự sẵn sàng cho một cuộc “cách mạng” của các cử tri nếu truyền thông chính thống vẫn tảng lờ ứng cử viên của họ, hoặc những nhà làm luật vẫn không để ý tới nguyện vọng thông qua chính sách M4A. Cụ thể: (1) Nếu quá trình kiểm phiếu cuối cùng không minh bạch, các cử tri tuyên bố sẽ biểu tình lớn tại Milwaukee, nơi Đảng Dân chủ tuyên bố ứng cử viên chính thức (William, Phil Ateto, Eleanor Goldfies, Brana Nick, Sopoci-Belknap, 2020); (2) Nếu Quốc hội không thông qua M4A ngay cả khi Sanders đã lên làm tổng thống, các cử tri này sẽ biểu tình lớn trước Nhà Trắng, và thậm chí sẽ làm đình trệ công việc của các cơ quan lập pháp cho đến khi họ đồng ý thông qua chính sách này (The Plum Line, 2018).

Mặc dù ông Sanders đã phải rời khỏi cuộc đua vào Nhà Trắng, nhưng nếu như trước đây M4A là bất khả thi, thì sau sự lớn mạnh của chiến dịch tranh cử của ông cũng như sự bùng phát không thể kiểm soát của dịch Covid-19 ở Mỹ, những ý tưởng xuất phát từ đề xuất M4A bắt đầu lan tỏa trong các diễn ngôn chính trị chính thống: các nghiệp đoàn y tế Mỹ đã tổ chức những chiến

¹ Hashtag bao gồm một chuỗi ký tự viết liền sau dấu thăng (#) để đánh dấu các từ khóa trên mạng xã hội.

dịch độc lập nhằm gây sức ép đòi Chính quyền Liên bang thông qua một nền y tế tập trung chống Covid-19 (Abram, 2020). Để có thể đạt được thành quả này, những đóng góp của “phong trào cơ sở” diễn ra trên cả không gian ảo và không gian thực tế của ông Sanders và các cử tri là không hề nhỏ.

3. Nghiên cứu “phức hợp”: Đây là môi trường ảnh hưởng của hành động tập thể thời đại số?

Những diễn giải có phần “minh hoạ” cho lý thuyết trên về quá trình thông qua chính sách M4A của Bernie Sanders còn nhiều thiếu sót. Sự thiếu sót này làm dấy lên những câu hỏi về việc nhà nghiên cứu có thể tiếp cận với môi trường của hành động tập thể như thế nào.

Sự thay đổi phức tạp của các dạng thức hành động tập thể thông qua sự phát triển như vũ bão của truyền thông và mạng xã hội đã dẫn đến nhiệm vụ cấp thiết của các nhà nghiên cứu truyền thông là chỉ ra được những yếu tố đã kiến tạo nên môi trường cho phép các hình thái hành động tập thể này được xảy ra. Trong thời đại truyền thông số, sự tụ tập quần chúng không chỉ chịu ảnh hưởng của một phương tiện truyền thông đơn lẻ, mà còn chịu sự cộng hưởng của tất cả các thiết chế truyền thông cùng một lúc. Yếu tố môi trường không chỉ gói gọn trong không gian vật lý, mà còn xuất hiện trên cả những không gian phi vật lý, ví dụ như môi trường Internet.

Chúng tôi sử dụng khái niệm “Phức hợp (assemblage)” nhằm làm sáng tỏ sự hội tụ của các phương tiện truyền thông trong việc đan dệt nên thế giới quan của công chúng thế kỷ XXI. Phức hợp là một khái niệm xuất phát từ hai triết gia người Pháp Gilles Deleuze (1925-1995) và Felix Guattari (1930-1992) - những người đặt nền móng cho Lý thuyết Cảm giác, để giải thích mô

hình xã hội giải trung tâm (decentralized) và có tính liên kết hết sức mạnh mẽ trong thời đại của Internet. Trên phương diện bản thể học, phức hợp là một sự cộng dồn của những chiều kích mới của thực tại khi nó nảy sinh thêm những kết nối (Deleuze and Guattari, 2005: 8). Neil (2017: 22) cho rằng, phức hợp không phải là một tập hợp hỗn độn của những cấu phần rời rạc và đa nguyên, mà là một quá trình có tính cấu trúc trong đó những cấu phần này được sắp xếp với nhau theo những trật tự nhất định. G. Deleuze và F. Guattari không đưa ra một khái niệm có bản chất tĩnh tại, thay vào đó họ cổ vũ các nhà nghiên cứu đi sau tập trung nghiên cứu về sự thay đổi không ngừng của môi trường của khái niệm này.

Từ nền tảng trên, Bruno Latour cùng các cộng sự đã xây dựng nên lý thuyết Chủ thể - Mạng lưới (Actor-Network Theory - ANT), nhằm giải thích về môi trường truyền thông hỗn tạp hiện đại. B. Latour đã thể hiện sự kế thừa G. Deleuze thông qua định nghĩa về ANT: không chỉ là một hệ thống lý thuyết, mà còn mô tả cấu trúc, một “cỗ máy ký hiệu học tiến hành những cuộc chiến giữa những sự khác biệt căn bản” (Latour, 2005: 147). Phân tích từng thành tố trong ANT, ông đã chỉ ra được tính hữu dụng của khái niệm này trong việc diễn giải những môi trường phi lý tính của thời điểm hiện tại: “chủ thể” ở đây bao gồm cả yếu tố con người và yếu tố phi con người (máy móc, thuật toán); “mạng lưới” chỉ một cấu trúc liên kết được đan dệt nên một cách chủ quan, thay vì khách quan thông qua các quy trình khoa học; “lý thuyết” chỉ quá trình “dân tộc chí¹ phương pháp

¹ Dân tộc chí, hay còn gọi là Thực địa Nhân học, là một phương pháp nghiên cứu bao gồm phối hợp quan sát tham dự, gặp gỡ, phỏng vấn sâu và ghi chép, phụ

luận (ethnomethodology)”, nghĩa là: từ cái nhìn của chủ thể, nhà khoa học nghiên cứu những hiện tượng chủ thể trải qua, từ đó liên tục đan dệt nên phương pháp luận nghiên cứu của mình, liên tục thay đổi chính mình (Luckhurst, 2006: 8).

Những diễn giải của B. Latour đã giúp các học giả truyền thông sau ông nghiên cứu được sự tương tác của con người trên môi trường ảo. Kết quả của môi trường ảo này chính là xu hướng số hóa các phương tiện truyền thông cổ điển trước đây, và mở rộng các giới hạn phản hồi thông tin của công chúng thông qua mạng xã hội, khiến họ được tăng quyền lực trong việc tiếp nhận, phản hồi và tạo ra những thông điệp mới. Như vậy, có thể cho rằng mạng xã hội là không gian chính yếu cho phép các hành động tập thể được xảy ra, tuy nhiên khi nhìn không gian truyền thông số ở Việt Nam như một phức hợp, sẽ thấy mọi hình thái truyền thông số như báo điện tử hay mạng xã hội đều chỉ là những cấu phần của một chuỗi siêu liên kết (hyperlink) không có điểm đầu và điểm cuối.

Do tính chất trừu tượng của siêu liên kết này nên không thể mô tả một hành động tập thể đang xảy ra trong địa bàn của siêu liên kết, mà chỉ có thể diễn giải một hành động tập thể xuất hiện trong không gian của thông tin nào. Ví dụ như, nhà nghiên cứu có thể viết về hành động tập thể trong không gian của thông tin về dịch tễ, giáo dục, chính trị, chứ không thể mô tả chúng chỉ xảy ra trên một không gian kỹ thuật cụ thể nào.

Phương pháp luận trên cho thấy xu hướng phi tập trung hóa thông tin: Ngày nay bất cứ một công dân nào cũng có thể trở thành nguồn lan truyền thông tin, trở thành

“nhà báo công dân”. Việc nguồn thông tin rơi vào xu hướng phi tập trung đã dẫn tới xu hướng đa nguyên hóa sự thật trên truyền thông, có nghĩa là cộng đồng mạng không tin vào một sự thật duy nhất, thay vào đó, là chủ thể đan dệt nên mạng lưới của mình, họ sẽ nhóm những nguồn tin đáng tin cậy đối với bản thân vào thành cụm, từ đó tự thêu dệt nên những “thuyết âm mưu” của chính mình.

4. Nhận xét

Tóm lại, từ những đặc trưng của hành động tập thể trong môi trường phức hợp, có thể thấy tác động của hành động tập thể lên xã hội là vô cùng lớn. Các hành động tập thể có thể giúp công chúng nhận thức sâu hơn về quyền được biểu đạt, được lên tiếng của mình, giúp quá trình tạo nghĩa (meaning-making) của xã hội trở nên phong phú hơn do liên tục tạo ra những cuộc trao đổi, hội thoại giữa các tầng lớp xã hội. Bên cạnh đó, những hành động này còn giúp các học giả nhận thức một cách sâu sắc hơn tầm quan trọng của đời sống cảm xúc trong đời sống thường nhật, cũng như hiểu được các yếu tố phi con người (ví dụ như các thuật toán của Internet) đang can thiệp vào cuộc sống của chúng ta như thế nào. Tuy nhiên, các hành động tập thể nếu không được quản lý một cách chặt chẽ có thể gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực, như gây chia rẽ xã hội một cách sâu sắc, không có sự phân biệt thật - giả giữa các nguồn tin, cũng như biến công chúng trở thành mục tiêu của chính trị dân túy (populism), hay làm rạn nứt những niềm tin trong xã hội. Sự thiếu nền tảng hiểu biết chung cũng như sự phân cực về quan điểm sẽ khiến tiến trình xây dựng và ban hành chính sách công thiếu sự đồng thuận, từ đó khó có thể được đưa vào thực tế. Nhìn vào chiến dịch tranh cử của ông Sanders, có thể thấy mặt tối của nó là: Mặc dù lấy lợi ích của người dân thay vì của các tập đoàn tư bản

hợp để nghiên cứu những vấn đề định tính như cảm xúc và độ thích nghi với môi trường.

lớn làm nền tảng, sự kết nối giữa ông với người dân lại được tạo ra thông qua sự thù địch đối với tầng lớp trên trong xã hội, từ đó tạo ra sự phân cực vô cùng mạnh mẽ giữa các phe nhóm chính trị trong nội bộ nước Mỹ. Sự đối đầu ấy không chỉ thể hiện ở tình trạng báo đài chính thống đưa tin thù địch đối với ông Sanders (Caicedo and Lazare, 2020), mà còn thể hiện ở những bài viết và bình luận hiếu chiến của các cử tri nhằm vào những ứng cử viên còn lại (Samuel, 2020).

Trước những thách thức không thể phủ nhận khiến các nhà nghiên cứu phải liên tục thay đổi các hệ hình phương pháp luận tiếp cận với công chúng, có thể thấy những giá trị đặc thù của từng con người đơn lẻ đã được đề cao hơn. Những giá trị này không nên chỉ là mối quan tâm của các ngành nghiên cứu hàn lâm, mà còn nên xuất hiện trong những đối thoại chính sách. Bởi lẽ khi đã nhận thức được tính đa nguyên của dư luận xã hội, các nhà lập pháp sẽ ngày càng nhận thức được tiếng nói của từng cá nhân trong xã hội, cũng như hình dung được thế giới quan của công chúng, từ đó đưa ra những quyết sách chính xác hơn □

Tài liệu tham khảo

1. Abram, A. (2020), “Bernie Sanders may be losing, but COVID-19 is keeping medicare for All Alive and Well”, *Time*, <https://time.com/5807383/medicare-for-all-coronavirus/>, truy cập ngày 25/3/2020.
2. Blumer, H. (1939), “Collective Behavior”, in *Principles of Sociology*, edited by A. M. Lee, Barnes & Noble, New York, pp. 137-181.
3. Caicedo, J. & Sarah Lazare (2020), “CNN’s coverage of sanders was 3X more negative than biden following their big primary wins”, *In These Times*, <http://inthesetimes.com/article/22354/cnn-bernie-sanders-joe-biden-media-spin-candidates-negative-mentions>, truy cập ngày 25/3/2020.
4. Deleuze, G and Felix Guattari (2005), “Introduction: rhizome” in: *A thousand plateaus: capitalism and schizophrenia*, University of Minnesota Press, Minneapolis & London, pp. 1-25.
5. Jasper, J. (2010), “Social movement theory today: Toward a theory of action?”, *Sociology Compass*, Vol. 4, No. 11, p. 965-976, Blackwell Publishing Ltd.
6. Kitschelt, H. (1986), “Political opportunity structures and political protest”, *British Journal of Political Science*, 16, pp. 57-95.
7. Latour, Bruno (2005), *Reassembling the Social: An introduction to Actor-Network Theory*, Oxford University Press, Oxford.
8. Le Bon, G. (2009), *Tâm lý học đám đông*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
9. Luckhurst, R. (2006), “Bruno Latour’s scientifiction: Networks, assemblages, and tangled objects”, *Science Fiction Studies*, Vol. 33, No. 1, Technoculture and Science Fiction (Mar., 2006), pp. 4-17.
10. Melucci, A. (1996), *Challenging codes*, Cambridge University Press, Cambridge.
11. Neil, Thomas (2017), “What is an assemblage?”, *SubStance*, Volume 46, Number 1 (Issue 142), pp. 21-37, Johns Hopkins University Press.
12. Olson, M. (1965), *The Logics of collective action*, Harvard University Press, Cambridge.

(xem tiếp trang 35)